

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày 15 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân : Ông Lê Đức Trí

Ông Lưu Ngọc Liên

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện T .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà :

Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở TAND huyện T , tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HS ngày 29/5/2020 đối với bị cáo:

Lê Bá T sinh ngày 09 tháng 8 năm 1992 tại thôn C xã X , huyện T , tỉnh T .

Nơi cư trú: Thôn Q xã X , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bá T và bà Lê Thị D ; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Lê Thị D đã ly hôn; Có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án; Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 30/6/2018 bị Công an thị xã Đ (Nay là Thành phố Đ xử phạt hành chính về hành vi: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bị hại:* Anh Hà Hồng Q ; Sinh năm 1947. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Q xã X , huyện T , tỉnh T .

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Văn H , sinh năm 1981. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 3 thị trấn L , huyện T , tỉnh T

-*Người làm chứng:* 1. Anh Lê Văn V ; Sinh năm 1989. Vắng mặt

Trú tại: Thôn T xã T , huyện T , tỉnh T .

2. Anh Nguyễn Văn C , sinh năm 1987. Vắng mặt

Trú tại: Thôn 2 xã T , huyện T , tỉnh T .

3. Anh Đỗ Văn L , sinh năm 1976. Vắng mặt

Trú tại: Khu 5 thị trấn L , huyện T , tỉnh T .

4. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1934. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Q xã X , huyện T , tỉnh T .

5. Anh Lê Bá T , sinh năm 1970. Vắng mặt

Trú tại: Thôn C xã X , huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03h ngày 17/3/2020 Lê Bá T đi bộ từ nhà đến thôn Q xã X , huyện T với mục đích trộm cắp tài sản lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đi đến nhà ông Hà Hồng Q phát thiện cửa cổng và cửa nhà không khoá nên T lén lút, đột nhập vào nhà. T đi vào phòng khách rồi đến phòng ngủ của ông Q thấy trên bàn gỗ có 02 chiếc điện thoại, T lấy trộm 02 điện thoại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia C5 và 01 điện thoại Samsung Galaxy J2; T lục ví da trong túi quần ông Q treo trên ghế gỗ móc lấy toàn bộ số tiền 1.291.000đ trong ví và đi về nhà. Trên đường về nhà T tháo thẻ sim lắp trong điện thoại Samsung Galaxy J2 ném đi.

Khoảng 10h30 phút cùng ngày T rủ Lê Văn V ở T xã T đi đến thị trấn L để bán 02 điện thoại đã trộm cắp nhưng không bán được. T cho V chiếc điện thoại nhãn hiệu Sony và sử dụng số tiền trộm cắp của ông Q để mua ma túy cùng V sử dụng.

Đến 09h ngày 18/3/2020 T và V đem điện thoại Sam sung Galaxy J2 bán cho cửa hàng sửa chữa điện thoại “T H” ở khu 3 thị trấn L, huyện T do anh H làm chủ, được 600.000đ. Số tiền này T tiếp tục mua ma túy sử dụng cùng V.

Ông Q phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã báo cáo cơ quan điều tra Công an huyện T. Quá trình điều tra xác minh, ngày 18/3/2020 T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã thu giữ trong người T số tiền 50.000đ, T khai đây là số tiền bà H (Bà nội của T) cho T trong ngày 18/3/2020.

Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia C5 và 01 điện thoại Sam sung Galaxy J2 do Lê Văn V và Lê Văn H giao nộp; Số tiền 1000đ do ông Lê Bá T (Bố T) giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL - HĐĐG ngày 23/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị của 02 chiếc điện thoại tại thời điểm trộm cắp trị giá là 5.096.000đ.

Bị hại là ông Hà Hồng Q đã nhận lại 02 chiếc điện thoại và 1000đ. Ông Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.400.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã mua điện thoại là 600.000đ.

Vật chứng vụ án: Số tiền 50.000đ tiền VNĐ đang quản lý theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 26/CT - VKS ngày 14/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Bá T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê bá T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s, i khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt: Bị cáo Lê Bá T từ 09(Chín) tháng đến 12(Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo; Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 1.290.000đ; Bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 600.000đ; Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật; Trả lại cho Bị cáo số tiền 50.000đ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Lê Bá T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 17/3/2020 bị cáo Lê Bá T đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia C5; 01 điện thoại Samsung Galaxy J2 tổng trị giá 5.096.000đ và số tiền 1.291.000đ của ông Hà Hồng Q. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Bá T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Cáo trạng số 26/CT - VKS ngày 14/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê bá T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật nhà nước bảo vệ. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động, không chịu khó làm ăn, tu dưỡng đạo đức, thích hưởng thụ tài sản trên công sức lao động của người khác. Bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Điều đó chứng tỏ rằng bị cáo rất coi thường pháp luật.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt của bị cáo: Khi xem xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 30/6/2018 bị Công an thị xã Đ (Nay là Thành phố Đ) xử phạt hành chính về hành vi: “Trộm cắp

tài sản”. Mặt khác bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Vì vậy HĐXX bắt bị cáo cách ly xã hội 01 thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn và lần đầu phạm tội nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo đã đầu thú nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS nên HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Hà Hồng Q đã nhận lại tài sản là 02 chiếc điện thoại và số tiền 1000đ. Ngoài ra ông Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.400.000đ nhưng HĐXX xét thấy yêu cầu của ông Q về số tiền 2.400.000đ là không đủ căn cứ, chỉ có căn cứ về số tiền ông Q bị trộm cắp là 1.291.000đ. Ông Q đã nhận 1000đ, số tiền còn lại là 1.290.000đ bị cáo phải bồi thường cho ông Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã mua điện thoại là 600.000đ. HĐXX xét thấy anh H đã bỏ số tiền 600.000đ mua chiếc điện thoại của T và không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân nên HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H là đúng quy định pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án là số tiền 50.000đ không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật
Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1,2 điều 51; Điều 38 BLHS;

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Bá T 10(Mười)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/3/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS năm 2015; Khoản 1, 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại là ông Hà Hồng Q số tiền là 1.290.000đ;

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn H số tiền đã mua điện thoại là 600.000đ.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo số tiền 50.000đ theo Biên bản giao nhận vật chứng số 37 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T .

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Lê Bá T phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000 án phí DSST, tổng 500.000đ nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an tỉnh T ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng